**PHỤ LỤC 1**

ĐÁNH GIÁ CÁC GIAI ĐOẠN VÀ MỨC ĐỘ XƠ HÓA GAN  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2855/QĐ-BYT ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

\* Xơ hóa gan gồm 4 giai đoạn theo phân loại Metavir trên mô học:

- F0: không xơ hoá.

- F1: xơ hoá khoảng cửa (portal fibrosis).

- F2: xơ hoá khoảng cửa với vài vách (portal fibrosis with few septa).

- F3: xơ hoá vách (septal fibrosis).

- F4: xơ gan.

\* Các mức độ xơ hóa gan gồm:

- Xơ hoá nhẹ hay không xơ hoá: F0, F1.

- Xơ hóa đáng kể (significant fibrosis): F ≥ 2.

- Xơ hóa tiến triển hay nặng (advanced fibrosis): F ≥ 3 (có nguy cơ HCC rất cao).

- Xơ gan (cirrhosis): F4.

**1. Đo độ đàn hồi gan** (FibroScan)

F0 - F1: < 7,1 Kpa

F2: 7,1 - < 9,5 Kpa

F3: 9,5 - < 12,5 KPa

F4: ≥ 12,5 KPa

**2. Chỉ số APRI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| APRI = | AST x 100/AST (ULN)\* |  |
| Tiểu cầu (109/l) |  |

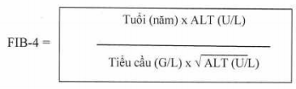
F0 - F1 : < 0,5

F2 - F3 : 0,5 - 1

F4 : > 1

*\* ULN (upper limit of normal): giới hạn bình thường trên của phòng xét nghiệm*

**3. FIB-4**



FIB-4 < 1,45 : F0-F1

FIB-4 1,45 - 3,25 : F2-F3

FIB-4 > 3,25 : F4

*(Lưu ý: FIB-4 sử dụng thận trọng ở những bệnh nhân < 35 hoặc > 65 tuổi, vì điểm FIB-4 đã được chứng minh là kém tin cậy hơn ở những người bệnh này).*

**4. PHÂN LOẠI CHILD-PUGH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn để đánh giá** | | **1 điểm** | **2 điểm** | **3 điểm** |
| Bệnh não gan | | Không | Giai đoạn 1 - 2 | Giai đoạn 3 - 4 |
| Cổ chướng | | Không | Ít | Nhiều |
| Bilirubin huyết thanh (mg/dl) | | < 2 | 2 - 3 | > 3 |
|  | (μmol/L) | < 35 | 35 - 50 | > 50 |
| Albumin huyết thanh (g/dL) | | > 3,5 | 2,8 - 3,5 | < 2,8 |
| Tỷ lệ prothrombin (%) | | > 64 | 44 - 64 | < 44 |
| hay INR | | < 1,7 | 1,7 - 2,3 | > 2,3 |
|  |  |  |  |  |

- Child - Pugh A: 5 - 6 điểm

- Child - Pugh B: 7 - 9 điểm

- Child - Pugh C: ≥ 10 điểm

\* Child - Pugh A: xơ gan còn bù; Child - Pugh B, C: xơ gan mất bù